

Bản án số: **72/2020/KDTM-ST**  
Ngày: 13/01/2020  
*V/v: Tranh chấp HĐ hợp tác kinh  
doanh và HĐ vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Ngọc Hương**.

2. Ông **Phạm Văn Hải**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** và bà **Phạm Ngọc Thy Thơ**- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Trần Thị Thúy Ái** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08/11/2019, ngày 06/12/ 2019, ngày 17/12/2019, ngày 26/12/2019 và ngày 13/01/2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 96/2016/TLST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5148/2019/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn* : **Công ty Cổ phần HB**

Địa chỉ : 235 VTS, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Thanh Đ ( Theo giấy ủy quyền ngày 20/7/2016) ( có mặt)

*Bị đơn* : **Công ty Cổ phần VT**

Địa chỉ : 87 CXD, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của bị đơn : Bà Nguyễn Thị T ( Theo giấy ủy quyền số 07/2016 ngày 02/11/2016) (có mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* : **CES**

Địa chỉ : 171 Cs Road, #12-01 CS Centre, Singapore 169877

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Thanh Đ và bà Trần Thị Ngọc L (theo giấy ủy quyền ngày 01/4/2017 đã được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 06/9/2017). Ông Đ có mặt . Bà Lan có đơn xin vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - Công ty cổ phần HB có ông Nguyễn Thanh Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 19/12/2007, Công ty CP HB (sau đây viết tắt là Công ty HB), Công ty CP VT (sau đây viết tắt là Công ty VT) và CES (sau đây viết tắt là CES) đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/HBH-VTC-CES về việc hợp tác kinh doanh khai thác dự án Bình An tại địa chỉ 2753 đường PTH, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung các bên thỏa thuận như sau:

- Quyền sử dụng đất (một phần diện tích đất được giao đất để làm dự án) do Công ty VT đứng tên có giá ước tính là 120 tỷ đồng và lấy giá trị quyền sử dụng đất này để làm cơ sở góp vốn ban đầu. Theo đó tỷ lệ góp vốn ban đầu như sau: Công ty Cổ phần VT góp 41% giá trị Quyền sử dụng đất và 9,02 tỷ VNĐ bằng tiền mặt phục vụ hoạt động kinh doanh của Hợp đồng hợp tác kinh doanh; Công ty HB góp 39% giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền mặt tương đương 46,8 tỷ VNĐ và 8,58 tỷ VNĐ bằng tiền tiền; Công ty CES góp 20% giá trị Quyền sử dụng đất bằng tương đương 24 tỷ VNĐ và 4 tỷ tiền mặt.

- Công ty VT có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục giải chấp giá trị quyền sử dụng đất thuộc một phần Dự án mà Công ty VT đang thế chấp cho Ngân hàng. Công ty VT làm đại diện trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc hoàn tất hồ sơ, thủ tục duyệt quy hoạch kiến trúc, báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phòng cháy chữa cháy, duyệt hồ sơ... và các thủ tục khác của Dự án theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2008, ba bên tiếp tục ký Phụ lục số 01 về việc điều chỉnh tổng vốn đầu tư là 800 tỷ đồng và tỷ lệ góp vốn như sau: Công ty HB góp 16,666% tổng giá trị đầu tư toàn bộ dự án và thực tế đã góp số tiền 23.666.520.000 đồng; CES góp 16,9% tổng giá trị đầu tư toàn bộ dự án tương đương 24 tỷ đồng và thực tế chuyển cho Công ty VT 28 tỷ đồng (bao gồm 24 tỷ đồng tiền góp vốn và 4 tỷ đồng tiền thanh toán quyền tham gia dự án); Công ty VT góp 66,434% tổng giá trị đầu tư toàn bộ dự án và thực tế nguồn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất là 120 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh Công ty VT không thực hiện hết trách nhiệm đã cam kết nên tiến độ dự án triển khai không được như dự kiến ban đầu. Các bên thống nhất không tiếp tục góp vốn các đợt tiếp theo mà chuyển sang hình thức Công ty VT vay tiền các bên để thực hiện dự án.

Ngày 02/6/2011 Công ty HB và Công ty VT đã ký Hợp đồng vay mượn tiền số 01/2011/ HĐVV-BCC và phụ lục hợp đồng số 01/2011/PLHĐVV-BCC ngày 21/10/2011. Tổng giá trị hợp đồng vay và phụ lục là 02 tỷ đồng, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và lãi suất là 12%/năm tính trên dự nợ phát sinh. Từ ngày 01/10/2011 điều chỉnh lãi suất 14%/năm. Công ty HB đã chuyển tiền vay cho Công ty

VT số tiền 02 tỷ VND thông qua 04 ủy nhiệm chi ngày 08/6/2011, ủy nhiệm chi ngày 15/7/2011, ủy nhiệm chi ngày 26/10/2011, ủy nhiệm chi ngày 26/10/2011. Kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến thời điểm khởi kiện thì Công ty VT chưa trả cho Công ty HB tiền lãi phát sinh và tiền nợ gốc là 02 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Dự án khu chung cư Phường 7, Quận 8 không triển khai theo tiến độ đã cam kết. Công ty HB đã nhiều lần liên hệ trực tiếp cũng như gửi văn bản cho Công ty VT yêu cầu hoàn trả lại số vốn đã góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng thời thanh toán khoản nợ theo hợp đồng vay tiền nhưng Bị đơn không thực hiện nên Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu:

+ Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTĐT/HBH-VTC-CES ngày 19/12/2007, Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTĐT/HBH-VTC-CES ngày 28/11/2008 giữa Công ty HB Công ty VT và CES. Yêu cầu Công ty VT hoàn trả cho Công ty HB số tiền đã nhận là 23.666.520.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi.

+ Chấm dứt hợp đồng vay mượn tiền số 01/2011/HĐVV-BCC và Phụ lục Hợp đồng vay mượn tiền số 01/2011/PLHĐVV-BCC. Yêu cầu Công ty Cổ phần VT hoàn trả cho Công ty Cổ phần HB số tiền 2.000.000.000 đồng + lãi theo lãi suất 14%/năm kể từ ngày 31/12/2011 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 6.566.907.513 đồng bao gồm 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 4.566.907.513 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các sổ sách chứng từ thu chi do Công ty VT cung cấp thì Công ty HB và CES đã thống nhất xác định Công ty VT đã chi phí cho dự án theo biên bản đối chiếu số liệu mà các bên ký ngày 18/12/2019 và ngày 20/12/2019 với tổng chi phí là 35.695.498.579 đồng. Tuy nhiên do theo hợp đồng thì Công ty VT phải giải chấp quyền sử dụng đất đang thế chấp cho Ngân hàng để thực hiện dự án nhưng Công ty VT đã không giải chấp dẫn đến Ngân hàng phát mãi để xử lý nợ khiến cho hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của Công ty VT. Do vậy Công ty HB không đồng ý yêu cầu phản tố của Công ty VT.

\* *Người có quyền và lợi ích liên quan – CES VH Holdings PTE LTD (sau đây viết tắt là CES) có ông Nguyễn Thanh Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của Nguyên đơn. CES không đồng ý khấu trừ chi phí theo yêu cầu của Công ty VT. Khi chuyển tiền cho Công ty VT thì CES chuyển khoản là 1.750.000 đô la Mỹ do vậy CES có đơn yêu cầu độc lập với Bị đơn về việc yêu cầu Công ty VT hoàn trả lại cho CES số tiền đã góp vốn quy đổi ra tiền đồng Việt Nam với tỷ giá 22.745 đồng/01 đô la Mỹ tương đương là 38.666.500.000 đồng Việt Nam. Tại phiên tòa, CES thừa nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng thì tiền góp vốn là tiền Việt Nam. Do vậy CES xin rút yêu cầu quy đổi tiền đã chuyển cho Công ty VT theo tỷ giá Đô la Mỹ. Ngoài ra tại đơn yêu cầu độc lập thì CES có yêu cầu tiền lãi trên số tiền góp vốn. Tại phiên tòa, CES cũng xin rút lại yêu cầu này chỉ yêu cầu trả lại đúng 28 tỷ đồng đã chuyển cho Công ty VT.

\* Bị đơn - Công ty cổ phần VT có bà NGUYỄN THỊ T đại diện theo ủy quyền trình bày: Xác nhận có ký hợp đồng số 01/HĐHTĐT/HBH-CTC-CES ngày 19/12/2007 và Phụ lục hợp đồng ngày 20/01/2011 về việc hợp tác kinh doanh dự án Bình An như trình bày của Nguyên đơn và bên người liên quan. Công ty VT cũng xác nhận khoản tiền góp vốn mà Công ty HB và CES đã chuyển cho Công ty VT cụ thể : Công ty HB góp 23.666.260.000 đồng tương đương 16,666% % giá trị hợp đồng và CES góp 24 tỷ đồng tương đương 16,9 % giá trị hợp đồng và khoản tiền mặt là 4 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng : Do tình hình kinh doanh bất động sản gặp nhiều khó khăn. Tiến độ góp vốn và khoản tiền góp vốn đã thay đổi nên Công ty VT đã không còn khả năng về vốn để thực hiện tiếp tục dự án. Ngày 02/6/2011, Công ty VT và Công ty HB đã thỏa thuận ký biên bản về việc Công ty HB không tiếp tục góp vốn vào hợp đồng mà chuyển sang ký hợp đồng cho Công ty VT vay tiền để thực hiện dự án. Từ năm 2017, Công ty VT đã không còn thực hiện được dự án do bị Ngân hàng phát mãi khu đất để xử lý nợ. Tổng số tiền góp vốn mà Công ty VT đã nhận từ Công ty HB và CES đã được dùng làm chi phí thực hiện dự án như : trả cho đơn vị thi công cọc, đơn vị thi công xây dựng, tiền lương công nhân và các khoản chi phí khác theo sự tư vấn của Công ty HB. Sau khi đối chiếu các sổ sách chứng từ thu chi thì Công ty VT, Công ty HB và CES đã thống nhất theo biên bản đối chiếu số liệu mà các bên ký ngày 18/12/2019 và ngày 20/12/2019 với tổng chi phí là 35.695.498.579 đồng. Công ty VT đồng ý chấm dứt hợp đồng hợp tác theo yêu cầu của Công ty HB và CES. Tuy nhiên theo hợp đồng thì do hợp đồng được chấm dứt nên Công ty VT yêu cầu phân bổ buộc Công ty HB và CES phải khấu trừ khoản chi phí phát sinh tương ứng với tỉ lệ góp vốn cụ thể :

- Công ty HB khấu trừ 6.334.126.639 đồng tương đương tỉ lệ góp vốn 16,666%. Khoản tiền còn lại phải trả Công ty HB là 17.717.508.261 đồng.

- CES khấu trừ 6.032.224.259 đồng tương đương 16,9% tỉ lệ góp vốn. Khoản tiền còn lại phải trả CES là 21.967.406.741 đồng.

Công ty VT xác nhận có ký hợp đồng vay tiền ngày 02/6/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 21/10/2011 để vay số tiền 2 tỷ đồng của Công ty HB. Tuy nhiên số tiền vay này mục đích để chi phí cho dự án. Do dự án chưa có lợi nhuận và các bên ký kết đã chấm dứt hợp đồng hợp tác với nhau nên Công ty VT chỉ đồng ý trả vốn mà không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của Công ty HB.

\* Các tài liệu chứng cứ bổ sung tại phiên tòa :

Biên bản đối chiếu số liệu do đại diện của Công ty HB , đại diện CES và đại diện Công ty VT ký ngày 18/12/2019 và ngày 20/12/2019.

Bảng tính lãi vay do Công ty HB lập ngày 13/01/2020.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn và CES. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Bị đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn; đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ; đơn yêu cầu phản tố của Bị đơn thì việc tranh chấp giữa Công ty HB, Công ty VT và CES là tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh. Khi xác lập giao dịch các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận, nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là CES có trụ sở tại 171 Cs Road,#12-01,CS Centre, Singapore 169877 nên căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty HB và CES đòi chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/HBH-VTC-CES ngày 19/12/2007 giữa Công ty HB, Công ty VT và CES. **Xét** : Việc các bên giao kết hợp đồng là tự nguyện. Nội dung mà các bên ký kết không trái pháp luật. Tại Tòa, các bên đã thống nhất thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng và việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái quy định của Điều 292 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty HB và CES đòi lại khoản tiền vốn đã góp cho Công ty VT. Tại Tòa, Công ty VT đồng ý trả lại khoản tiền vốn góp đã nhận theo yêu cầu của Công ty Hòa Bình và CES nhưng có yêu cầu phản tố đòi Công ty HB và CES phải khấu trừ khoản tiền mà Công ty VT đã chi phí khi thực hiện hợp đồng theo tỉ lệ góp vốn, **Hội đồng xét xử nhận thấy**: Tại phiên tòa, Công ty VT, Công ty HB và CES đã thực hiện việc đối chiếu sổ sách các khoản thu chi mà Công ty VT đã chi phí để thực hiện hợp đồng. Theo đó các bên đã thống nhất khoản chi phí mà Công ty VT đã thực hiện tổng cộng là 35.695.498.579 đồng . Tại Điều 14.4 của hợp đồng thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng: “ Khi thanh lý hợp đồng, các bên không chỉ được chia quỹ và tài sản còn lại của hợp đồng tương ứng với phần góp vốn của mình, mà còn phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ của hợp đồng tương ứng với phần vốn góp đó”. Căn cứ vào phụ lục 2 ngày 20/01/2011 thì Công ty HB góp 23.666.260.000 đồng tương đương 16,666% % giá trị hợp đồng và CES góp là 24 tỷ đồng tương đương 16,9 % giá trị hợp đồng. Do hợp đồng chấm dứt, phía Công ty VT xác định giá trị quyền sử dụng đất tương đương phần vốn góp của Công ty VT đã bị Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ, Công ty VT không còn được quyền thực hiện dự án nên tài sản còn lại của hợp đồng chỉ còn phần vốn góp của Công ty HB và CES nên Công ty VT

đồng ý hoàn trả là có cơ sở. Tuy nhiên do các bên đã đối chiếu và thống nhất xác nhận khoản chi phí mà Công ty VT đã thực chi phí cho hợp đồng nên việc Công ty VT yêu cầu Công ty HB và CES phải khấu trừ khoản chi phí phát sinh khi thực hiện hợp đồng theo tỉ lệ góp vốn là có cơ sở phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 14.4 của hợp đồng như viện dẫn nêu trên. Cụ thể: Công ty HB khấu trừ 6.334.126.639 đồng tương đương tỉ lệ góp vốn 16,666% và CES khấu trừ 6.032.224.259 đồng tương đương 16,9% tỉ lệ góp vốn. Việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến cho rằng Công ty VT không chứng minh được đã chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng là không có cơ sở. Như vậy, sau khi khấu trừ khoản chi phí trên thì Công ty VT phải hoàn trả cho Công ty HB và CES khoản vốn góp còn lại cụ thể :

Trả cho Công ty HB sau khi khấu trừ chi phí còn lại là 17.332.393.361 đồng ( vốn góp là 23.666.260.000 đồng - 6.334.126.639 đồng)

Trả cho CES sau khi khấu trừ chi phí còn lại là 21.967.406.740 đồng (vốn góp là 24 tỷ đồng + 4 tỷ đồng tiền thanh toán quyền tham gia dự án - 6.032.224.259 đồng )

[4] Về trình bày của phía Công ty HB và CES cho rằng theo hợp đồng thì Công ty VT phải giải chấp quyền sử dụng đất đang thế chấp cho Ngân hàng để thực hiện dự án nhưng Công ty VT đã không giải chấp mà để Ngân hàng phát mãi để xử lý nợ khiến cho hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của Công ty VT nên Công ty HB và CES không đồng ý khấu trừ theo yêu cầu của Công ty VT. **Xét:** Theo hợp đồng thì giao dịch của các bên là thỏa thuận góp vốn để hợp tác kinh doanh. Như trên phân tích, thì do các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nên khoản tiền vốn đã góp được xử lý theo Điều 14.4 của hợp đồng. Do vậy trình bày nêu trên của phía Công ty HB và CES là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại đơn khởi kiện, CES có yêu cầu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên tại phiên tòa, CES đã rút lại yêu cầu này nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của CES.

[6] Xét yêu cầu của Công ty HB đòi khoản tiền vay theo hợp đồng vay tài sản ngày 02/6/2011 và phụ lục ngày 21/10/2011, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, Công ty HB và Công ty VT đã thống nhất xác nhận đôi bên có ký hợp đồng vay tiền và Công ty VT đã nhận đủ 2 tỷ đồng tiền vay theo hợp đồng. Tính đến thời điểm hiện tại thì hợp đồng đã hết hạn từ ngày 09/2/2012. Do vậy việc Công ty HB khởi kiện yêu cầu Công ty VT phải trả khoản tiền vay 2 tỷ đồng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tiền lãi : theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng ngày 02/6/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 21/10/2011 thì tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tính từ ngày 08/6/2011 ( ngày giải ngân lần đầu) đến ngày 10/01/2020 cho từng khoản vay tương ứng thời điểm giải ngân. Tuy nhiên tại phiên tòa thì Công ty HB chỉ đòi tiền lãi từ ngày 31/12/2011 theo mức lãi suất 14%/ năm là có lợi cho Công ty VT và cũng không trái khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định về lãi suất và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$2.000.000.000 \text{ đ} \times 14\% \times 8 \text{ năm} = 2.240.000.000 \text{ đ}$  (thời gian từ 31/12/2011 đến 31/12/2019) +  $2.240.000.000 \text{ đ} \times 14\% \times 13 \text{ ngày} = 4.112.000.000 \text{ đ}$  (thời gian từ 01/01/2020 đến 13/01/2020) = 4.566.907.513 đồng.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vụ án được thụ lý vào ngày 20/7/2016, ngày 24/12/2017 CES có đơn yêu cầu độc lập, ngày 03/01/2018 và 03/9/2018 Công ty VT có đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu độc lập. Do vậy, căn cứ Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí các đương sự phải chịu cụ thể:

- Công ty VT phải chịu là 153.866.708 đồng, được tính trên khoản tiền phải trả cho Công ty HB ( bao gồm: tiền vốn góp là 17.332.393.361 đồng + tiền vay là 2 tỷ đồng + tiền lãi là 4.566.907.513 đồng ) và trả cho CES 21.967.406.740 đồng, tổng cộng là 45.866.707.614 đồng.

- Công ty HB phải chịu là 114.334.124 đồng, được tính trên khoản tiền phải trả theo yêu cầu phản tố của Công ty VT là 6.334.126.639 đồng.

- CES phải chịu là 114.032.224 đồng, được tính trên khoản tiền phải trả theo yêu cầu phản tố của Công ty VT là 6.032.224.259 đồng.

[9] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi tại hợp đồng hợp tác kinh doanh nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Đối với khoản tiền phải thi hành theo hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa Công ty HB và Công ty VT thì do các bên có thỏa thuận việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay tài sản.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008

## **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn-Công ty Cổ phần HB và CES. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn- Công ty CP VT cụ thể:

1.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty Cổ phần HB , CES và Công ty Cổ phần VT về việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTĐT/HBH-VTC-CES, Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTĐT/HBH-VTC-CES

1.2. Buộc Công ty CP VT trả cho Công ty CP HB khoản tiền 23.899.300.874 đồng bao gồm: Tiền vốn góp sau khi trừ khoản chi phí phát sinh là 17.3322.393.361 đồng; Tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay tài sản là 6.566.907.513 đồng.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu của CES-VH Holdings PTE LTD: Buộc Công ty CP VT trả cho CES-VH Holdings PTE LTD 21.967.406.704 đồng là khoản tiền vốn góp sau khi trừ khoản chi phí phát sinh.

## **2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

- Công ty CP VT phải chịu là 153.866.708 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.428.028 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0048794 ngày 02/02/2018 và 57.889.401 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0045863 đồng ngày 18/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Công ty VT phải nộp thêm số tiền là 33.549.279 đồng.

- Công ty CP HB phải chịu là 114.334.124 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.577.117 đồng theo biên lai thu tiền số AD/2014/0000280 ngày 23/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Công ty CP HB phải nộp thêm số tiền là 46.757.007 đồng.

- CES phải chịu là 114.032.224 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 73.333.250 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0048721 ngày 23/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. CES phải nộp thêm số tiền là 40.698.974 đồng.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## **3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:**

Đối với khoản tiền mà Công ty CP VT phải thi hành theo hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác lập giữa Công ty Cổ phần HB , CES và Công ty Cổ phần VT thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty CP VT còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Đối với khoản tiền mà Công ty CP VT phải thi hành theo hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa Công ty CP HB và Công ty CP VT thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty CP VT còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng



vay tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo: Các đương sự có thời kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thanh Thủy**